

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
KHOA XÂY DỰNG

SỐ LIỆU BTVN MÔN: KẾT CẤU THÉP - CIE378

LỚP HỌC PHẦN: CIE 378SA

GV HƯỚNG DẪN : Ths. PHẠM VIỆT HIẾU

STT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	LỚP HỌC PHẦN	KÍCH THƯỚC		HOẠT TẢI q_s^{tc} (kN/m ²)	MÁC THÉP	QUE HÀN
						B (m)	L (m)			
1	1921613369	Nguyễn Văn	Việt Anh	2/2/1995	CIE378SA	6,0	10,5	15,0	CCT34	N42
2	1921618150	Đặng Đức	Anh	10/8/1995	CIE378SA	6,5	11,0	15,5	CCT34	N42
3	1921413651	Nguyễn Duy	Bảo	19/01/1995	CIE378SA	7,0	11,5	16,0	CCT34	N42
4	1820415222	Nguyễn Thị Kim	Bình	11/4/1994	CIE378SA	7,5	12,0	16,5	CCT34	N42
5	1821615185	Huỳnh Thanh	Bình	15/03/1993	CIE378SA	8,0	12,5	17,0	CCT34	N42
6	1921619381	Phạm Thanh	Bình	12/10/1995	CIE378SA	5,0	13,0	17,5	CCT38	N42
7	1911616917	Võ Chí	Cường	14/12/1995	CIE378SA	5,5	10,5	18,0	CCT38	N42
8	1821414105	Trần Việt	Đan	22/12/1994	CIE378SA	6,0	11,0	18,5	CCT38	N42
9	171216238	Nguyễn Tiến	Đạt	7/1/1993	CIE378SA	6,5	11,5	19,0	CCT38	N42
10	172237368	Bùi Minh	Đạt	24/03/1993	CIE378SA	7,0	12,0	19,5	CCT38	N42
11	1921629192	Nguyễn Hữu	Đệ	14/04/1994	CIE378SA	7,5	12,5	15,0	CCT42	N42
12	172237372	Nguyễn Văn	Đích	27/08/1993	CIE378SA	8,0	13,0	15,5	CCT42	N42
13	1821413534	Từ Văn	Định	20/09/1994	CIE378SA	5,0	10,0	16,0	CCT42	N42
14	1821414074	Hà Ngọc	Đức	2/10/1994	CIE378SA	5,5	10,5	16,5	CCT42	N42
15	1821615996	Phan Hoàng Thành	Đức	28/06/1994	CIE378SA	6,0	11,0	17,0	CCT42	N42
16	1820413843	Lưu Thị Hạnh	Dung	14/02/1993	CIE378SA	6,5	11,5	17,5	CCT34	N46
17	171216244	Lê Văn	Dũng	9/7/1993	CIE378SA	7,0	12,0	18,0	CCT34	N46
18	1811116530	Huỳnh Tấn	Duy	15/01/1994	CIE378SA	7,5	12,5	18,5	CCT34	N46
19	1821416012	Nguyễn Huy	Giáp	22/04/1994	CIE378SA	8,0	13,0	19,0	CCT34	N46
20	1921633992	Ngô Tấn	Hân	19/05/1995	CIE378SA	5,0	10,0	19,5	CCT34	N46
21	162233480	Đình Phương Hồng	Hạnh	30/05/1991	CIE378SA	5,5	10,5	15,0	CCT38	N46
22	172237394	Nguyễn Văn	Hạnh	8/4/1993	CIE378SA	6,0	11,0	15,5	CCT38	N46
23	1820425247	Võ Thị	Hảo	22/10/1994	CIE378SA	6,5	13,0	16,0	CCT38	N46
24	1821414754	Nguyễn Văn	Hảo	21/03/1994	CIE378SA	7,0	10,0	16,5	CCT38	N46
25	162216499	Ngô Đức	Hiên	4/7/1992	CIE378SA	7,5	10,5	17,0	CCT38	N46
26	1821414097	Lê Thanh	Hiệu	29/05/1994	CIE378SA	5,0	11,0	17,5	CCT42	N46
27	1821415195	Lê Ngọc	Hiệu	6/1/1993	CIE378SA	5,5	11,5	18,0	CCT42	N46
28	2021627151	Phạm Thái	Hòa	5/5/1995	CIE378SA	6,0	12,0	18,5	CCT42	N46
29	1821414765	Phan Thanh	Hoàn	12/7/1994	CIE378SA	6,5	12,5	19,0	CCT42	N46
30	172237408	Phạm Đức	Hoàng	13/05/1993	CIE378SA	7,0	13,0	19,5	CCT42	N46
31	1821414106	Nguyễn Phước	Hoàng	20/12/1994	CIE378SA	7,5	10,0	15,0	CCT34	N42
32	1821415837	Lê Thái	Hoàng	17/01/1993	CIE378SA	8,0	11,5	15,5	CCT34	N42
33	1921413598	Văn Phú	Hoàng	20/10/1995	CIE378SA	5,0	12,0	16,0	CCT34	N42
34	162233499	Nguyễn Duy	Hợp	30/04/1992	CIE378SA	5,5	12,5	16,5	CCT34	N42
35	172237412	Trần Việt	Hùng	9/9/1993	CIE378SA	6,0	13,0	17,0	CCT34	N42
36	1921613384	Nguyễn Thanh	Hưng	1/4/1995	CIE378SA	6,5	10,5	17,5	CCT38	N42
37	1821416011	Nguyễn Đặng Quốc	Huy	3/9/1993	CIE378SA	7,0	11,0	18,0	CCT38	N42
38	1921611763	Lê Tấn	Khoa	12/4/1992	CIE378SA	7,5	11,5	18,5	CCT38	N42
39	172237426	Nguyễn Mạnh	Kiên	9/1/1993	CIE378SA	8,0	12,0	19,0	CCT38	N42
40	1821413839	Nguyễn Trung	Kiên	21/12/1994	CIE378SA	5,0	12,5	19,5	CCT38	N42
41	172237428	Đỗ Thế	Kim	25/04/1992	CIE378SA	5,5	13,0	15,0	CCT42	N42
42	1821414080	Bùi Đức Nhật	Linh	23/10/1993	CIE378SA	6,0	10,0	15,5	CCT42	N42
43	1821415223	Hồ Hữu	Linh	24/01/1993	CIE378SA	6,5	10,5	16,0	CCT42	N42
44	1821613821	Nguyễn Trường	Linh	7/9/1994	CIE378SA	7,0	11,0	16,5	CCT42	N42
45	1821616000	Trương Phước Hoài	Lợi	28/03/1994	CIE378SA	7,5	11,5	17,0	CCT42	N42
46	171216283	Lê Thành	Long	16/12/1993	CIE378SA	8,0	12,0	17,5	CCT34	N42
47	1821415652	Hồ Hải	Long	14/01/1994	CIE378SA	5,0	12,5	18,0	CCT34	N42
48	1921618794	Trương Văn	Luyện	27/10/1995	CIE378SA	5,5	13,0	18,5	CCT34	N42
49	1921613427	Lê Bá	Mạnh	2/3/1995	CIE378SA	6,0	10,0	19,0	CCT34	N42
50	172217212	Tăng Chí	Na	4/9/1993	CIE378SA	6,5	10,5	19,5	CCT34	N42
51	1820414089	Trần Thị Thiên	Nga	3/5/1993	CIE378SA	7,0	11,0	15,0	CCT38	N42

STT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	LỚP HỌC PHẦN	KÍCH THƯỚC		HOẠT TẢI q_s^{tc} (kN/m ²)	MÁC THÉP	QUE HÀN
						B (m)	L (m)			
52	1821414078	Nguyễn Văn	Nga	25/04/1994	CIE378SA	7,5	13,0	15,5	CCT38	N42
53	1820414108	Đỗ Thị Kim	Ngân	15/10/1994	CIE378SA	5,0	10,0	16,0	CCT38	N42
54	1820413539	Nguyễn Tạ Thảo	Nguyên	12/12/1994	CIE378SA	5,5	10,5	16,5	CCT38	N42
55	1821415212	Trần Kiên	Nguyên	25/12/1993	CIE378SA	6,0	11,0	17,0	CCT38	N42
56	1821413837	Nguyễn Bình Kim	Phong	4/11/1994	CIE378SA	6,5	11,5	17,5	CCT42	N42
57	1921613382	Dương Phú	Phong	18/11/1994	CIE378SA	7,0	12,0	18,0	CCT42	N42
58	162233560	Thiều Quang	Phước	5/3/1992	CIE378SA	7,5	11,5	18,5	CCT42	N42
59	2021624541	Nguyễn Xuân	Phước	8/8/1992	CIE378SA	8,0	12,0	19,0	CCT42	N42
60	171216319	Bùi Chánh	Quang	31/12/1993	CIE378SA	8,0	12,5	19,5	CCT42	N42
61	1821413538	Đoàn Thái	Quang	30/03/1994	CIE378SA	5,0	13,0	15,0	CCT34	N46
62	1821413838	Trần Xuân	Quang	15/11/1994	CIE378SA	5,5	10,0	15,5	CCT34	N46
63	1821414763	Trần Ngọc Nhật	Quang	16/12/1994	CIE378SA	6,0	10,5	16,0	CCT34	N46
64	1821615179	Lê Văn	Quốc	3/7/1994	CIE378SA	6,5	11,0	16,5	CCT34	N46
65	171216324	Lê Thái	Quý	14/10/1993	CIE378SA	7,0	10,0	17,0	CCT34	N46
66	1921613402	Trịnh Văn	Quý	28/11/1995	CIE378SA	7,5	12,5	17,5	CCT38	N46
67	172237467	Lương Thanh	Quyên	13/07/1990	CIE378SA	8,0	13,0	18,0	CCT38	N46
68	172237470	Đỗ Hoàng	Son	15/12/1993	CIE378SA	5,0	10,0	18,5	CCT38	N46
69	1821416661	Nguyễn Minh	Tài	21/03/1993	CIE378SA	5,5	10,5	19,0	CCT38	N46
70	1821416014	Phan Trung	Tân	8/4/1994	CIE378SA	6,0	11,0	19,5	CCT38	N46
71	1811614989	Ngô Văn	Tây	12/10/1991	CIE378SA	6,5	10,0	15,0	CCT42	N46
72	1821414079	Huỳnh Chí	Thăng	7/11/1994	CIE378SA	7,0	10,5	15,5	CCT42	N46
73	1821415653	Hoàng Công	Thanh	23/06/1991	CIE378SA	7,5	11,0	16,0	CCT42	N46
74	1921113139	Phạm Đức	Thanh	1/1/1994	CIE378SA	8,0	11,0	16,5	CCT42	N46
75	1821413543	Lương Văn	Thành	28/10/1993	CIE378SA	8,0	11,5	17,0	CCT42	N46
76	162213307	Lê Minh	Thiện	7/7/1992	CIE378SA	5,0	12,0	17,5	CCT34	N42
77	1821414774	Đỗ Từ	Thiện	28/08/1994	CIE378SA	5,5	12,5	18,0	CCT34	N42
78	172216565	Nguyễn Văn	Thịnh	19/09/1993	CIE378SA	6,0	13,0	18,5	CCT34	N42
79	172237486	Đoàn Thanh	Thịnh	24/08/1993	CIE378SA	6,5	10,0	19,0	CCT34	N42
80	1821415648	Lưu Như	Thịnh	10/1/1994	CIE378SA	7,0	10,5	19,5	CCT34	N42
81	1821424147	Lương Xuân	Tiến	26/10/1994	CIE378SA	7,5	11,0	15,0	CCT38	N42
82	2021623645	Kpà Hoàng Minh	Tiến	19/09/1990	CIE378SA	8,0	10,0	15,5	CCT38	N42
83	172237492	Trịnh Minh	Tín	25/02/1993	CIE378SA	5,0	11,5	16,0	CCT38	N42
84	1921413534	Phạm Văn	Tính	8/2/1995	CIE378SA	8,0	11,5	16,5	CCT38	N42
85	152232965	Trịnh Ngọc Huy	Toàn	22/03/1991	CIE378SA	5,0	12,0	17,0	CCT38	N42
86	1821415200	Đình Công Minh	Toàn	30/10/1994	CIE378SA	5,5	12,5	17,5	CCT42	N42
87	1821413842	Dương Đình	Tú	20/06/1993	CIE378SA	6,0	13,0	18,0	CCT42	N42
88	172237506	Nguyễn Duy	Tuấn	5/5/1992	CIE378SA	6,5	10,0	18,5	CCT42	N42
89	1921619808	Hồ Sỹ	Tuệ	20/10/1995	CIE378SA	7,0	10,5	19,0	CCT42	N42
90	172237511	Đoàn Vũ Thanh	Tùng	24/01/1992	CIE378SA	7,5	11,0	19,5	CCT42	N42
91	1821415218	Phan Thanh	Tùng	14/10/1993	CIE378SA	8,0	10,0	15,0	CCT34	N46
92	1821414100	Nguyễn Quang	Viễn	9/8/1994	CIE378SA	5,0	11,5	15,5	CCT34	N46
93	1921620927	Hồ Đắc	Việt	11/8/1994	CIE378SA	8,0	12,0	16,0	CCT34	N46
94	172237519	Tô Quang	Vinh	20/02/1992	CIE378SA	5,5	12,5	16,5	CCT34	N46
95	1821613822	Trần Mạnh	Vinh	16/08/1994	CIE378SA	6,0	13,0	17,0	CCT34	N46
96	1921613339	Nguyễn Văn	Vinh	5/4/1995	CIE378SA	6,5	10,0	17,5	CCT38	N46
97	1821415651	Lê Nguyễn	Vũ	10/10/1992	CIE378SA	7,0	10,5	18,0	CCT38	N46
98	1921173896	Huỳnh Ngọc	Vũ	29/01/1995	CIE378SA	7,5	13,0	18,5	CCT38	N46
99	1921613330	Thần Trọng	Vũ	27/08/1993	CIE378SA	7,0	10,0	19,0	CCT38	N46
100	1921620932	Nguyễn Tuấn	Vũ	27/09/1994	CIE378SA	7,5	10,5	19,5	CCT38	N46
101	1821415197	Trần Đình	Vương	28/04/1994	CIE378SA	6,5	11,0	17,0	CCT38	N46